

Số: **469** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **5** tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt trữ lượng tài nguyên khoáng sản trong Báo cáo kết quả  
thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp mỏ đất núi Lê Thủy,  
thôn Lê Thủy, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi  
(Trữ lượng tính đến ngày 20 tháng 6 năm 2018)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 UBND tỉnh Quảng Ngãi Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản là đất đồi làm vật liệu san lấp phục vụ thi công xây dựng công trình dự án trên địa bàn tỉnh;

Xét Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 25/6/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư 706; đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 912/STNMT-KS ngày 12/3/2019 và Báo cáo thăm định hồ sơ số 911/TĐHS-TNMT-KS ngày 12/3/2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thông qua báo cáo phê duyệt trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trong Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất núi Lệ Thủy, thôn Lệ Thủy, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 6,3838 ha (*Bảng chữ: Sáu phẩy, ba tám ba tam hecta*), có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp đã tính trong báo cáo:

- Trữ lượng địa chất cấp 122 của mỏ là 890.694 m<sup>3</sup>.

- Trữ lượng địa chất cấp 122 của mỏ có khả năng đưa vào thiết kế khai thác là 712.555m<sup>3</sup>.

3. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: như Phụ lục số 2 kèm theo.

**Điều 2.** Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ, thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở ngành: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi; Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND xã Tịnh Châu và Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư 706 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(TV51).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bính

Phụ lục số 01

**TỌA ĐỘ KHU THẨM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỪ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐẤT  
SÀN LẤP TẠI MỎ ĐẤT NÚI LỆ THỦY, THÔN LỆ THỦY, XÃ TỈNH CHÂU,  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**



theo Quyết định phê duyệt trừ lượng số: **169/QĐ-UBND**  
ngày **15/3/2019** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

| Điểm góc               | Hệ tọa độ VN2000<br>(Kinh tuyến trục 108, múi chiếu 3 <sup>0</sup> ) |           |
|------------------------|--|-----------|
|                        | X (m)  | Y (m)     |
| (Diện tích 6,3838 ha ) |  |           |
| M1                     | 1679614.00   | 588490.00 |
| M2                     | 1679693.00   | 588526.00 |
| M3                     | 1679801.00   | 588567.00 |
| M4                     | 1679879.00   | 588577.00 |
| M5                     | 1679821.00   | 588838.00 |
| M6                     | 1679694.00   | 588791.00 |
| M7                     | 1679611.00   | 588776.00 |
| M8                     | 1679614.00   | 588490.00 |
| M9                     | 1679693.00   | 588526.00 |
| M10                    | 1679801.00   | 588567.00 |

Phụ lục số 02

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐẤT SAN LẬP TẠI MỎ ĐẤT  
NÚI LỆ THỦY, THÔN LỆ THỦY, XÃ TỊNH CHÂU,  
HÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**



*Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 169/QĐ-UBND  
ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

| STT      | Khối - cấp<br>trữ lượng | Mức sâu thấp<br>nhất khối trữ<br>lượng (m) | Trữ lượng địa<br>chất cấp 122<br>(m <sup>3</sup> ) | Trữ lượng địa chất<br>cấp 122 đưa vào<br>khai thác (m <sup>3</sup> ) | Ghi chú |
|----------|-------------------------|--|--|--|---------|
| 1        | KI-122                  | +10,0                                      | 543.542  | 434.834  |         |
| 2        | KI-122                  | +20,0                                      | 347.152  | 277.722  |         |
| Tổng 122 |                         |  | 890.694  | 712.555  |         |